

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 49/2020/DS-PT

Ngày: 27 - 5 - 2020.

V/v Tranh chấp về nợ huê (hụi).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà L Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLPT-DS ngày 24/3/2020, về việc “*Tranh chấp về nợ huê (hụi)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2019/DS-ST ngày 09/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐPT ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957. Cư trú tại: Số 71, Quốc lộ 27, thôn Yên Khê Hạ, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Lê Xuân T, sinh năm 1966. Cư trú tại: Tổ 9, thôn Phi Nôm, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền lập ngày 13/02/2019).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1972. Cư trú tại: Số 39, tổ 1, thôn Yên Khê Hạ, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Huỳnh Thị Mỹ H ủy quyền cho bà Phan Thị Lệ T, sinh năm 1961. Cư trú tại: Số 93 đường Nguyễn Thị Nghĩa, phường 2, thành phố Đà Lạt (văn bản ủy quyền lập ngày 10/10/2018).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L – Nguyên đơn và bà Huỳnh Thị Mỹ H - Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền ông Lê Xuân T trình bày: Do có quan hệ bà con nên bà L có chơi của bà H 04 dây huê.

- Dây huê thứ nhất: Bắt đầu từ ngày 20/12/2014 và kết thúc là ngày 20/5/2016 mỗi phần huê là 5.000.000đ. Bà L tham gia chơi 03 phần nhưng dây huê này bà H không viết giấy tờ. Sau khi kết thúc huê bà L và bà H có tính toán bà H còn nợ lại là 25.300.000đ và lãi 3.300.000đ tổng cộng là 28.600.000đ việc nợ này bà H có viết giấy tính toán. Số tiền 3.300.000đ tiền lãi có ghi tại bảng tính tiền có nội dung “Huê TH6-5100...” chữ tiền lãi này là bà L viết.

- Dây huê thứ 2: Bắt đầu đóng từ 15/01/2016 và kết thúc ngày 15/6/2017. Mỗi phần huê là 3.000.000đ bà L chơi một phần và bà L đã đóng 17 tháng và bà L hót huê được 51.000.000đ nhưng bà H không chong huê cho bà L việc này bà H tự tính trong giấy có ghi chữ “Huê TH 6-2017...” Bà H còn nợ bà L số tiền 51.000.000đ nhưng bà L chỉ yêu cầu 40.800.000đ.

- Dây huê thứ 3: Bắt đầu đóng từ ngày 01/3/2016 và kết thúc ngày 01/8/2017 mỗi phần 5.000.000đ trong đó có 18 phần bà L chơi 01 phần bà L đóng được 17 tháng và hót được 83.500.000đ việc này bà H cũng có tính tại bản tính có ghi chữ “Huê TH-6-2017...” dòng thứ 3 nhưng dây huê này bà L cũng chỉ yêu cầu bà H trả tiền gốc cho bà L là 68.000.000đ.

- Dây huê thứ 4: Bắt đầu chơi từ ngày 15/5/2016 và kết thúc vào ngày 15/10/2017 mỗi phần 5.000.000đ bà L chơi 4 phần và đóng được 17 tháng. Tổng cộng bà L đóng 260.000.000đ (trong đó 03 phần bà L đóng là 204.000.000đ còn 01 phần bà L đóng 56.000.000đ) và bà H không lập giấy tính tiền gì cho bà L tại dây huê này.

Tổng cộng 04 dây huê bà H còn nợ bà L là 397.400.000đ nên bà L yêu cầu bà H trả số tiền 397.400.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm bà L chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 394.100.000đ.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H và người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị Lệ T trình bày:

Bà H không đồng ý với yêu cầu của bà L vì:

Đối với dây huê thứ 1: Bà H thừa nhận bà L có tham gia chơi huê và bà L cho rằng bà H còn nợ lại 28.600.000đ thì việc này không có cơ sở bởi tại giấy tính tiền có ghi số tiền 25.300.000đ thì bà H có viết dứt điểm trong tháng 5/2017. Trong bảng tính này thì bà L có sửa chữa về thời gian tự ý ghi thêm vào bảng tính tiền nên bà H không thừa nhận chứng cứ này.

Đối với dây huê thứ 2: Bà H thừa nhận có bà L tham gia chơi dây huê này nhưng tại các bảng tính tiền có ghi chữ Huê TH -6-2017 (Bút lục 14) thì bà L tự ý sửa chữa và viết thêm một số khoản như ghi thêm chữ là “50100000 Huê TH 6-2017” cụm từ này bà L đã sửa đổi thành 2016 sang 2017. Ngoài ra, bà L còn ghi thêm một số cụm từ “huê tháng 8/2017”; đóng tháng 8/2017; tháng 6, tháng 7” nên không thừa nhận chứng cứ này.

Đối với dây huê thứ 3: Bà H thừa nhận bà L có tên trong danh sách huê nhưng bà L không có tham gia chơi huê.

Các bảng tính có nội dung “bà L hót huê 5 triệu 1 tháng số 01 lần” thì bà L tự ý thêm có năm như “2014; 20-3-016; 2016” và các bảng kê sau này (Bút lục 8,9,10,11,12,14) đều có sự sửa chữa của bà L. Bút lục số 13 thì không biết

bà L tính khoảng nào, vào thời gian nào, chỉ ghi chung số tiền. Đối với các bảng kê có chữ ký của bà H thì bà H thừa nhận đó là chữ ký và chữ viết của bà H nhưng bà H không ghi là nhận tiền của bà L. Đối với bảng kê có ghi “H mượn bà L 55 triệu” thì bà L không chứng minh được thời gian nào nhưng bà L lại tự ý ghi thêm 02 dòng 30/3/2016 và 30/3/2017 nên bà H cũng không thừa nhận chứng cứ này.

Đối với dây huê thứ 4: Bà H không đồng ý với lời trình bày của bà L vì theo danh sách huê bà H phát cho từng người tham gia thì không có tên bà L và bà L tự điền tên một tờ ghi 03 phần và một tờ ghi 01 phần. Theo đơn khởi kiện của bà L thì chỉ có 18 phần nhưng nếu bà L tham gia thì sẽ là 21 phần điều này có sự mâu thuẫn giữa trình bày của bà L và danh sách huê.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2019/DSST ngày 09/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L; Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 243.400.000đ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả số tiền 150.700.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2019, bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, không đồng ý trả nợ cho bà L theo bản án đã tuyên.

Ngày 23/12/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H, căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà H trả cho bà L số tiền nợ huê là 171.400.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về nợ huê (hụi)*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn Bà Huỳnh Thị Mỹ H:

Giữa bà Nguyễn Thị L và bà Huỳnh Thị Mỹ H có chơi huê (hụi) với nhau là có xảy ra trên thực tế nhưng giữa các bên tranh chấp về số dây huê

tham gia, số phần tham gia ở các dây huê và số tiền đã thanh toán khi hốt, cụ thể:

2.1. Đối với dây huê 1: Huê 5.000.000đ áp cái ngày 20/12/2015 kết thúc ngày 20/5/2017, quy định bỏ huê cố định 1.000.000đ/tháng nên người tham gia chưa hốt huê chỉ phải đóng số tiền 4.000.000đ/tháng/phần, huê có 18 phần, trong đó bà L chơi 03 phần do bà H làm cái. Cả bà L và bà H đều thừa nhận có tham gia chơi dây huê này và bà L chứng minh được số tiền đã đóng đối với dây huê này, bà L là người hốt chót và bà H phải thanh toán cho bà L số tiền cụ thể như sau:

Bà L hốt cuối vào các tháng 3/2017, 4/2017, 5/2017, việc hốt huê này được thể hiện tại các bút lục số 01, 07, 08, 09. Mỗi tháng bà L hốt được, cụ thể: 15 tháng huê chết x 5.000.000đ = 75.000.000đ – (3% x 5.000.000đ, tiền hoa hồng đầu thảo) = 73.500.000đ.

Bà L đã căn trừ tiền huê hốt được là 73.500.000đ (tháng 3, 4, 5) của dây huê này cho các dây huê còn sống là 18.400.000đ mà bà L đang tham gia chơi của bà H. Số tiền huê bà L nhận được như sau:

Tháng 3/2017: 73.500.000đ - 18.400.000đ = 55.100.000đ (bút lục 09)

Tháng 4/2017: 73.500.000đ - 18.400.000đ = 55.100.000đ (bút lục 08)

Tháng 5/2017: 73.500.000đ - 18.400.000đ = 55.100.000đ (bút lục 07)

Như vậy, tổng số tiền huê bà L nhận của 3 tháng (tháng 3, 4, 5) là 165.300.000đ, bà H đã trả cho bà L số tiền 140.000.000đ và còn nợ lại 25.300.000đ.

Bà T cho rằng bà H không còn nợ bà L số tiền này bởi lẽ tại bảng tính tiền (bút lục số 01) có ghi số tiền 25.300.000đ nhưng bà H có viết dứt điểm trong tháng 5/2017. Như vậy, bà H không còn nợ tiền gì của bà L.

Xét lời trình bày của bà H và bà T Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bảng tính tiền trên bà H xác nhận còn nợ lại bà L số tiền 25.300.000đ và bà H viết dứt điểm trong tháng 5/2017, việc ghi này không thể hiện rõ đã thanh toán hay sẽ thanh toán số tiền trên trong tháng 5/2017. Bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã thanh toán cho bà L số tiền trên trong tháng 5/2017 và bà L không thừa nhận việc này.

Còn bà L và ông T cho rằng dây huê này chơi năm 2014 là không có căn cứ vì các tài liệu, chứng cứ bản gốc ghi năm 2015 và do bà L giữ, bà L là người sửa chữa ghi thành năm 2014 và không được bà H chấp nhận. Hơn nữa, trong bản giải trình gửi Hội đồng xét xử ông Lê Xuân T cũng trình bày “dây huê thứ nhất áp cái ngày 20/12/2015” nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Như vậy, việc bà L yêu cầu bà H trả số tiền huê 25.300.000đ còn thiếu trong dây huê này là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

2.2. Dây huê thứ 2: Huê 3.000.000đ áp cái ngày 15/01/2016 kết thúc ngày 15/5/2017, huê có 18 phần, trong đó bà L chơi 01 phần do bà H làm cái. Cả bà L và bà H đều thừa nhận có tham gia chơi dây huê này và bà L chứng minh được số tiền đã đóng đối với dây huê này và bà L là người hốt chót được 51.000.000đ nhưng bà H không chồng huê cho bà L việc này bà H tự tính trong giấy có ghi chữ “Huê TH 6-2017...” Bà H còn nợ bà L số tiền 51.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T cho rằng các bảng tính do bà L cung cấp có sự sửa chữa nên không thừa nhận và tại phiên tòa phúc thẩm bà H và bà T cho rằng bà L đóng huê đến tháng 3/2017 thì hết và bà H đã chồng đủ tiền huê cho bà L và tại bút lục 02 sau khi bà H ghi “Hết 1 phần R” thì bà L đã tự tay gạch ngang dây huê này thể hiện đã thanh toán xong nhưng bà L không thừa nhận. Chữ viết phần tính toán số tiền phải đóng cho từng dây huê là chữ do bà H viết ra. Tổng số tiền bà H nhận từ bà L là 26.400.000đ thể hiện vào thời điểm tháng 3/2017 bà L đóng 2.400.000đ cho dây huê 3.000.000đ áp cái ngày 15/01/2016, chứng tỏ thời điểm tháng 3/2017 bà L chưa hết đối với dây huê này.

Hơn nữa, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc đã trả tiền cho bà L ở dây huê này. Các bảng tính do bà L cung cấp bà L chỉ ghi thêm bên cạnh ngày tháng năm mà bà H đã ghi nên không làm ảnh hưởng gì đến nội dung bảng tính do bà H tính và viết ra và những nội dung bảng tính này phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp thì thấy rằng:

Tại bút lục 11, 12, 13 (không phải trang có chữ “sai bỏ”) thể hiện dây huê 3.000.000đ bà L hết cuối vào tháng 6/2017 với số tiền là: 17 tháng x 3.000.000đ = 51.000.000đ – (3% x 3.000.000đ, tiền đầu thảo) = 50.100.000đ.

Tại bút lục 12 thể hiện bà L cần trừ số tiền huê nhận được của dây này cho 03 dây huê sống đóng tháng 6, 7/2017 (01 phần dây 5.000.000đ áp cái ngày 01/3/2016; 01 phần dây 5.000.000đ áp cái ngày 15/5/2016; 02 phần dây 5.000.000đ áp cái ngày 30/11/2016), tổng cộng là 32.000.000đ.

Như vậy, số tiền bà L thực nhận tại dây huê này là 50.100.000đ – 32.000.000đ = 18.100.000đ. Cần buộc bà H thanh toán cho bà L số tiền 18.100.000đ ở dây huê này là phù hợp.

2.3. Dây huê thứ 3: Dây huê này áp cái ngày 01/3/2016, kết thúc ngày 01/8/2017, có 18 phần (mỗi phần 5.000.000đ) dây huê này quy định bỏ huê cố định 1.000.000đ/tháng nên người tham gia chưa hết huê chỉ phải đóng số tiền 4.000.000đ/tháng/phần, bà L chơi 01 phần nên mỗi tháng bà L phải đóng là 4.000.000đ và bà L hết cuối.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà H trình bày bà L không tham gia chơi dây huê này. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H và bà T cho rằng đã thanh toán tiền huê cho bà L ở dây huê này nhưng không có tài liệu, chứng cứ xuất trình để Hội đồng xét xử xem xét. Tại các bút lục 02, 03, 04, 05, 06, 07, 14, 18 đều thể hiện danh sách huê có bà L; Bà H có viết và ký xác nhận tiền huê của bà L ở dây huê này, bà L chứng minh được số tiền đã đóng và bà L là người hết chót ở dây huê này nhưng bà H chưa thanh toán tiền huê cho bà L. Qua yêu cầu của bà L chỉ yêu cầu bà H trả số tiền gốc bà L đã đóng ở dây huê này là 68.000.000đ (17 tháng x 4.000.000đ) thì bà T đồng ý thanh toán cho bà L số tiền 68.000.000đ ở dây huê này.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà L.

2.4. Dây huê thứ 4: Dây huê này áp cái ngày 15/5/2016, kết thúc ngày 15/6/2017 (mỗi phần 5.000.000đ), dây huê này quy định bỏ huê cố định 1.000.000đ/tháng nên người tham gia chưa hết huê chỉ phải đóng số tiền

4.000.000đ/tháng/phần, bà L cho rằng bà L chơi 04 phần, trong đó bà L đóng 03 phần (03 phần x 4.000.000đ = 12.000.000đ) bắt đầu từ tháng 3/2016, bà L đóng được 17 tháng và 01 phần (01 phần x 4.000.000đ = 4.000.000đ), bắt đầu từ ngày 01/6/2016, bà L đóng được 14 phần. Tổng số tiền dây huê này bà L đã đóng là: 260.000.000đ.

Bà T và bà H không đồng ý với việc bà L trình bày có tham gia chơi dây huê 5.000.000đ áp cái ngày 15/5/2016. Bà T cũng không đồng ý với việc bà L trình bày là bà L đóng huê từ tháng 3/2016 (3 phần) đối với dây huê này vì thực tế dây huê này áp cái từ ngày 15/5/2016. Do đó, việc đóng huê như bà L trình bày là không phù hợp (đóng trước khi có dây huê). Xét trình bày này của phía bị đơn thì tại biên bản xác minh ngày 30/7/2019 bà Nguyễn Thị Thu Hà (Hà Thiệu) người có tham gia chơi dây huê này (02 phần) trình bày theo bà Hà được biết thì bà L cũng tham gia chơi với bà trong dây huê 5.000.000đ áp cái 15/5/2016 do bà Huỳnh Thị Mỹ H làm cái.

Qua các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp thì thấy rằng bà L có tham gia chơi dây huê này nhưng trình bày về việc đóng tiền huê của bà L như trên không phù hợp. Tại bút lục số 05, 06, 07, 08, 09, 12 có thể hiện việc bà L đóng tiền cho dây huê này.

Theo tài liệu, chứng cứ bà L cung cấp tại bút lục 75, 76 thể hiện huê 5.000.000đ 01 tháng số 01 lần, số đầu ngày 15/5/2016. Cùng một dây huê (số thứ tự và thành viên giống nhau), phía trên ghi tổng số thành viên tham gia dây huê là 18 nhưng tại bút lục 75 ở số thứ tự 08 thể hiện chơi 01 phần nhưng bút lục 76 thể hiện chơi 03 phần (chữ viết “bà L”, bà H thừa nhận là chữ viết của bà còn chữ 1P và 3P bà L thừa nhận là do bà L viết) là có sự mâu thuẫn, nếu bà L chơi 03 phần thì danh sách huê phải là 20 phần. Hơn nữa, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà L đóng ba phần ở dây huê này mà chỉ có căn cứ bà Huê đóng 01 phần ở dây huê này thời gian đóng từ tháng 5/2016 – 07/2017 là 15 tháng x 4.000.000đ = 60.000.000đ.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên thấy rằng bà L có tham gia chơi 01 phần ở dây huê 5.000.000đ, áp cái 15/5/2016 của bà H với tổng số tiền đóng huê là 60.000.000đ. Bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền huê này cho bà L.

Như vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận bà L có tham gia chơi 01 phần ở dây huê này, thời gian đóng từ tháng 5/2016 – 07/2017 là 15 tháng x 4.000.000đ = 60.000.000đ.

[3]. Như vậy, tổng số tiền bà L khởi kiện được chấp nhận:

Đối với dây huê số 1: Áp cái ngày 20/12/2015 (dây huê 5.000.000đ) bà H còn nợ bà L là: 25.300.000đ.

Đối với dây huê số 2: Áp cái ngày 15/01/2016 (dây huê 3.000.000đ) bà H còn nợ bà L là: 18.100.000đ.

Đối với dây huê số 3: Áp cái ngày 01/3/2016 (dây huê 5.000.000đ) bà H còn nợ bà L là: 68.000.000đ.

Đối với dây huê số 4: Áp cái ngày 15/5/2016 (dây huê 5.000.000đ) bà H còn nợ bà L là: 60.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền huê bà H còn nợ bà L của tổng 04 dây huê là: $25.300.000đ + 18.100.000đ + 68.000.000đ + 60.000.000đ = 171.400.000đ$

Từ những nhận định trên cho thấy việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả số tiền 171.400.000đ là có cơ sở nên cần chấp nhận. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà L đối với số tiền còn lại là 222.700.000đ.

Đối với dây huê 5.000.000đ áp cái ngày 30/11/2016 các bên đương sự đều không có tranh chấp trong vụ án này. Sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Từ những phân tích trên xét thấy cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 243.400.000đ là chưa chính xác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích ở trên.

[5]. Về án phí:

Do bà L trên 60 tuổi và bà L có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bà L đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Do sửa án sơ thẩm nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định đối với yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận, cụ thể: $171.400.000đ \times 5\% = 8.570.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2019/DSST ngày 09/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc “*Tranh chấp về nợ huê (hụi)*” đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H.

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 171.400.000đ (*Một trăm bảy mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả số tiền 222.700.000đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ H phải chịu 8.570.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0016127 ngày 17/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà H còn phải nộp số tiền 8.270.000đ (*Tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 9.935.000đ (*Chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011026 ngày 28/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ & THA;
- TAND H.Đơn Dương;
- Chi cục thi hành án dân sự H.Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

- Dây huê thứ nhất: Bắt đầu từ ngày 20/12/2014 và kết thúc là ngày 20/5/2016 mỗi phần huê là 5.000.000 đồng. Bà L tham gia chơi 03 phần nhưng dây huê này bà H không viết giấy tờ. Sau khi kết thúc huê bà L và bà H có tính toán bà H còn nợ lại là 25.300.000 đồng và lãi 3.300.000 đồng tổng cộng là 28.600.000đ việc nợ này bà H có viết giấy tính toán. Số tiền 3.300.000 đồng tiền lời có ghi tại bảng tính tiền có nội dung “Huê TH6-5100...” chữ tiền lời này là bà L viết.

Đối với dây huê thứ 1: Bà H thừa nhận bà L có tham gia chơi huê và bà L cho rằng bà H còn nợ lại 28.600.000 đồng thì việc này không có cơ sở bởi tại giấy tính tiền có ghi số tiền 25.300.000 đồng thì bà H có viết dứt điểm trong tháng 5/2017. Trong bảng tính này thì bà L cũng có sửa chữa về thời gian cũng tự ý ghi thêm vào bảng tính tiền nên bà H không thừa nhận chứng cứ này của bà L.

Các đương sự thừa nhận có chơi số tiền còn nợ BL 01 là 25.300.000đ Bị đơn ghi dứt điểm trong tháng 5-2017 nhưng không chứng minh được đã thanh toán nên cần chấp nhận.

- Dây huê thứ 2: Bắt đầu đóng từ 15/01/2016 và kết thúc ngày 15/6/2017. Mỗi phần huê là 3.000.000 đồng bà L chơi một phần và bà L đã đóng 17 tháng và bà L hót huê được 51.000.000 đồng nhưng bà H không chồng huê cho bà L

việc này bà H tự tính trong giấy có ghi chữ “Huê TH 6-2017...” Bà H còn nợ bà L số tiền 51.000.000 đồng nhưng bà L chỉ yêu cầu 40.800.000 đồng.

Đối với dây huê thứ 2: Bà H thừa nhận có bà L tham gia chơi dây huê này nhưng tại các bảng tính tiền có ghi chữ Huê TH -6-2017 (BL14) thì bà L tự ý sửa chữa và viết thêm một số khoản như ghi thêm chữ là “50100000 Huê TH 6-2017” cụm từ này bà L đã sửa đổi thành 2016 sang 2017. Ngoài ra, bà L còn ghi thêm một số cụm từ “huê tháng 8/2017”; đóng tháng 8/2017; tháng 6, tháng 7” nên không thừa nhận chứng cứ này.

Đối chất làm rõ: có chơi dây huê này ko đã đóng được bao nhiêu phần (tài liệu chứng cứ cm) đã hốt chưa? Hốt phần thứ mấy

BL 89, 90 lý giải chữ ai viết, ai gạch

BL 87 mặt trước thể hiện hốt dây huê 5tr ngày 20/12 đã trừ 18tr4 (2tr4 + 4tr + 12tr)

ĐS chỉ yêu cầu 40tr8 trừ đi tiền huê đã đóng T6 + T7 là 32tr (BL 86 ai viết, đóng cho dây huê nào?

- Dây huê thứ 3: Bắt đầu đóng từ ngày 01/3/2016 và kết thúc ngày 01/8/2017 mỗi phần 5.000.000 đồng trong đó có 18 phần bà L chơi 01 phần bà L đóng được 17 tháng và hốt được 83.500.000 đồng việc này bà H cũng có tính tại bản tính có ghi chữ “Huê TH-6-2017...” dòng thứ 3 nhưng dây huê này bà L cũng chỉ yêu cầu bà H trả tiền gốc cho bà L là 68.000.000 đồng.

Đối với dây huê thứ 3: Bà H thừa nhận bà L có tên trong danh sách huê nhưng không có tham gia chơi huê. **(Đóng tiền huê bà H có ký nhận từ T5/2016-T3/2017)**

Các bảng tính có nội dung “bà L hốt huê 5 triệu 1 tháng số 01 lần” thì bà L tự ý thêm có năm như “2014; 20-3-016; 2016” và các bảng kê sau này (BL 14,12,11,10,9,8) đều có sự sửa chữa của bà L. Bút lục số 13 thì không biết bà L tính khoảng nào vào thời gian nào chỉ ghi chung số tiền. Đối với các bảng kê có chữ ký của bà H thì bà H thừa nhận đó là chữ ký và chữ viết của bà H nhưng bà H không ghi là nhận tiền của bà L. Đối với bảng kê có ghi “H mượn bà L 55 triệu” thì bà L không chứng minh được thời gian nào nhưng bà L lại tự ý ghi thêm 02 dòng 30/3/2016 và 30/3/2017 nên bà H cũng không thừa nhận chứng cứ này.

Việc nhận tiền huê của bà H mặt dù ko ghi nhận của ai nhưng đây là chữ viết, chữ ký của bà H, bản kê còn có chữ bà H mượn bà L 55tr, phù hợp với những TLCC khác thể hiện bà L có tham gia chơi dây huê này
Làm rõ: . (Đóng tiền huê bà H có ký nhận từ T5/2016-T3/2017) từ T4 trở đi trừ vào huê ntn chứng minh đóng đến tháng mấy thì để xem xét giải quyết yêu cầu

- Dây huê thứ 4: Bắt đầu chơi từ ngày 15/5/2016 và kết thúc vào ngày 15/10.2017 mỗi phần 5.000.000 đồng bà L chơi 4 phần và đóng được 17 tháng. Tổng cộng bà L đóng 260.000.000đồng (trong đó 03 phần bà L đóng là

204.000.000 đồng còn 01 phần bà L đóng 56.000.000 đồng) và bà H không lập giấy tính tiền gì cho bà L tại dây huê này.

Đối với dây huê thứ 4: Thì bà H không đồng ý với trình bày của bà L vì theo danh sách huê bà H phát cho từng người tham gia thì không có tên bà L và bà L tự điền tên 01 tờ ghi 3 phần và 01 tờ ghi 01 phần. Theo đơn khởi kiện của bà L thì chỉ có 18 phần nhưng nếu bà L tham gia thì sẽ là 21 phần điều này có sự mâu thuẫn giữa trình bày của bà L và danh sách huê.

Đối chất làm rõ: Có chơi dây huê này ko? Chơi mấy phần? Ai là người tẩy xóa xong viết 1, 3 phần? Hai dây huê này có phải là 01 ko (vì giống nhau 100%) có sự nhầm lẫn giữa dây huê này và dây huê ngày 20/12 từ tháng 8/2016 đến T2/2017 (BL 96)

Làm rõ dây huê ngày 30/12 có liên quan ntn vì đây là huê của Phụng chơi nếu liên quan đến Phụng phải đưa vào để xem xét hay không